SAO Y; VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN; 14/10/2026; 09:14:17; +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2026 và vốn kéo dài năm 2025 sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 về giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) cho các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; số 1628/QĐ-TTg ngày 22 ngày 8 tháng 2026 giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 3) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; số 1757/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2026 giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 4) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 tháng 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các Bộ, cơ quan trung ương, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu

quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Công an về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và chính sách thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét Tờ trình số 4904/TTr-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2026 và vốn kéo dài năm 2025 sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2026 và vốn kéo dài năm 2025 sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia

phòng, chống ma tuý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với tổng số vốn 200.961 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2026: 97.505 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 76.505 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý: 21.000 triệu đồng.

2. Phân bổ vốn kéo dài năm 2025 sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 103.456 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (N).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục I

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/ Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG CỘNG		**76.505**
A	**PHÂN BỔ CẤP TỈNH**		**19.910**
I	**Hợp phần thứ nhất**		**14.250**
1	**Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu**		**2.148**
1.1	Nội dung 6: Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử	Sở Công Thương	200
1.2	Nội dung 08: Duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	200
1.3	Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù vùng, miền, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững …	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	1.068
1.4	Nội dung 11: Hỗ trợ tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	680
2	**Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường**		**3.468**
2.1	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn		1.300
		Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1.000
		Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng	300
2.2	Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững	Trung tâm Khuyến nông	300
2.3	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh		1.668
		Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.268
		Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng	400
2.4	Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	200
3	**Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững**		**500**
3.1	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp	300

TT	Nội dung/ Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
3.2	Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; hỗ trợ hoạt động giao dịch việc làm; hỗ trợ thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động		200
		Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	100
		Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh	100
4	**Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới**		**235**
4.1	Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở.	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	200
4.2	Nội dung 04: Truyền thông về bình đẳng giới trong trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Nội vụ	35
5	**Nội dung thành phần 06: Phát triển KHCN và chuyển đổi số ở nông thôn**		**300**
	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình "thôn thông minh"	Sở Khoa học và Công nghệ	300
6	**Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và PTKTXH vùng đồng bào DTTS & MN**		**1.950**
6.1	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; xây dựng, nhân rộng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc", tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình		650
		Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	500
		Hội Cựu chiến binh tỉnh	150
6.2	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự", "5 cùng"; Đề án "Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030"; Đề án "Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khoẻ cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030"	Hội Nông dân tỉnh	500
6.3	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035"	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	200
6.4	Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an"	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	300
6.5	Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phong trào "Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035"	Tỉnh Đoàn Quảng Trị	300

TT	Nội dung/ Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
7	**Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội**		**500**
	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm "bốn tại chỗ", không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn	Công an tỉnh	500
8	**Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**		**5.149**
8.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình		**2.809**
		Sở Nông nghiệp và Môi trường	700
		Sở Tài chính	300
		Sở Dân tộc và Tôn giáo	300
		Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.069
		Sở Giáo dục và Đào tạo	90
		Thống kê tỉnh	300
		Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng	50
8.2	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	840
8.3	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.500
II	**Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN**		**5.660**
1	**Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**		**830**
	Nội dung 05: Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự		830
		Sở Dân tộc và Tôn giáo	230
	Hỗ trợ duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	600

TT	Nội dung/ Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
2	**Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dan vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**		**3.850**
2.1	Nội dung 03: Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	200
2.2	Nội dung 04: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	500
2.3	Nội dung 05: Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Công Thương	1.500
2.4	Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		1.650
		Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1.050
		Bảo tàng tỉnh	300
		Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh	300
3	**Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN**		**640**
3.1	Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS&MN về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Sở Giáo dục và Đào tạo	90
3.2	Nội dung 02: Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	350
3.3	Nội dung 03: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	200
4	**Nội dung thành phần 05: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN**		**340**
4.1	Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cập và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS&MN	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	190
4.2	Nội dung 04: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS&MN. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại để đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại, cung cấp nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới nhằm góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	150
II	**PHÂN BỔ CẤP XÃ**		**56.595**
1		Xã Minh Hóa	1.065
2		Xã Dân Hóa	1.290
3		Xã Tân Thành	960

TT	Nội dung/ Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
4		Xã Kim Điền	1.020
5		Xã Kim Phú	930
6		Xã Đồng Lê	840
7		Xã Tuyên Phú	825
8		Xã Tuyên Lâm	885
9		Xã Tuyên Bình	1.020
10		Xã Tuyên Hóa	825
11		Xã Tuyên Sơn	840
12		Xã Phú Trạch	855
13		Xã Trung Thuần	810
14		Xã Hòa Trạch	840
15		Xã Quảng Trạch	840
16		Xã Tân Gianh	825
17		Xã Nam Gianh	465
18		Xã Nam Ba Đồn	450
19		Xã Thượng Trạch	1.170
20		Xã Phong Nha	900
21		Xã Bố Trạch	870
22		Xã Bắc Trạch	915
23		Xã Hoàn Lão	840
24		Xã Đông Trạch	840
25		Xã Nam Trạch	855
26		Xã Quảng Ninh	465
27		Xã Ninh Châu	840
28		Xã Trường Ninh	465
29		Xã Trường Sơn	1.155
30		Xã Lệ Thủy	480
31		Xã Cam Hồng	825
32		Xã Sen Ngư	810
33		Xã Tân Mỹ	675
34		Xã Trường Phú	675
35		Xã Kim Ngân	1.200
36		Xã Lệ Ninh	450
37		Xã Vĩnh Linh	450
38		Xã Cửa Tùng	825
39		Xã Vĩnh Hoàng	810
40		Xã Vĩnh Thủy	450
41		Xã Bến Quan	990
42		Xã Cồn Tiên	975
43		Xã Cửa Việt	825
44		Xã Gio Linh	465
45		Xã Bến Hải	810

TT	Nội dung/ Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
46		Xã Cam Lộ	540
47		Xã Hiếu Giang	465
48		Xã La Lay	1.065
49		Xã Tà Rụt	1.110
50		Xã Đakrông	1.200
51		Xã Ba Lòng	840
52		Xã Hướng Hiệp	1.035
53		Xã Hướng Lập	930
54		Xã Hướng Phùng	1.080
55		Xã Khe Sanh	1.080
56		Xã Tân Lập	975
57		Xã Lao Bảo	930
58		Xã Lìa	1.230
59		Xã A Dơi	1.080
60		Xã Triệu Phong	450
61		Xã Ái Tử	435
62		Xã Triệu Bình	450
63		Xã Triệu Cơ	825
64		Xã Nam Cửa Việt	825
65		Xã Diên Sanh	465
66		Xã Mỹ Thủy	810
67		Xã Hải Lăng	435
68		Xã Nam Hải Lăng	465
69		Xã Vĩnh Định	465
70		Đặc khu Cồn Cỏ	795

Phụ lục II

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TÚY NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG CỘNG		**21.000**
A	**ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ CẤP TỈNH**		**6.220**
1	**Dự án 1: Phòng ngừa đấu tranh tội phạm về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia**	Công an tỉnh	**2.576**
2	**Dự án 5: Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện**	Công an tỉnh	**600**
3	**Dự án 6: Tăng cường đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy**	Sở Y tế	**671**
4	**Dự án 7: Truyền thông, giáo dục về phòng, chống ma túy**		**1.994**
4.1	Tiểu dự án 1: Truyền thông về phòng, chống ma túy	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	349
4.2	Tiểu dự án : Nâng cao hiệu quả truyền thông về phòng, chống ma túy	Công an tỉnh	366
4.3	Tiểu dự án 3: Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.279
5	**Dự án 8: Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng về dịch vụ trợ giúp pháp lý, chất lượng và giáo dục pháp luật trong phòng, chống ma túy**	Sở Tư pháp	**312**
6	**Dự án 9: Quản lý, giám sát, đánh giá chương trình**	Công an tỉnh	**67**
B	**PHÂN BỔ CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU**		**14.780**
1		Nam Gianh	163
2		Nam Ba Đồn	163
3		Dân Hóa	244
4		Kim Điền	243
5		Kim Phú	163
6		Minh Hóa	243
7		Tuyên Lâm	243
8		Tuyên Sơn	163
9		Đồng Lê	243

TT	Nội dung/Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG CỘNG		**21.000**
10		Tuyên Phú	243
11		Tuyên Bình	243
12		Tuyên Hóa	243
13		Tân Gianh	163
14		Trung Thuần	163
15		Quảng Trạch	108
16		Hòa Trạch	244
17		Phú Trạch	244
18		Thượng Trạch	163
19		Phong Nha	244
20		Bắc Trạch	244
21		Đông Trạch	163
22		Hoàn Lão	163
23		Bố Trạch	244
24		Nam Trạch	244
25		Quảng Ninh	163
26		Ninh Châu	163
27		Trường Ninh	163
28		Trường Sơn	163
29		Lệ Thủy	163
30		Cam Hồng	108
31		Sen Ngư	108
32		Tân Mỹ	163
33		Trường Phú	244
34		Lệ Ninh	163
35		Kim Ngân	163
36		Vĩnh Linh	163
37		Cửa Tùng	163
38		Vĩnh Hoàng	108
39		Vĩnh Thủy	163
40		Bến Quan	163
41		Cồn Tiên	244
42		Cửa Việt	163
43		Gio Linh	163
44		Bến Hải	163
45		Cam Lộ	244

TT	Nội dung/Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2026
	TỔNG CỘNG		**21.000**
46		Hiếu Giang	163
47		La Lay	244
48		Tà Rụt	244
49		Đakrông	244
50		Ba Lòng	163
51		Hướng Hiệp	244
52		Hướng Lập	163
53		Hướng Phùng	244
54		Khe Sanh	325
55		Tân Lập	244
56		Lao Bảo	325
57		Lìa	244
58		A Dơi	244
59		Triệu Phong	163
60		Ái Tử	163
61		Triệu Bình	163
62		Triệu Cơ	163
63		Nam Cửa Việt	163
64		Diên Sanh	163
65		Mỹ Thủy	163
66		Hải Lăng	163
67		Nam Hải Lăng	163
68		Vĩnh Định	108
69		Đồng Hới	163
70		Đồng Thuận	163
71		Đồng Sơn	163
72		Ba Đồn	163
73		Bắc Gianh	163
74		Đông Hà	163
75		Nam Đông Hà	217
76		Quảng Trị	163
77		Cồn Cỏ	108
78		Tân Thành	163

Phụ lục III

PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 KÉO DÀI SANG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2025 kéo dài
	TỔNG CỘNG		**103.456**
A	**PHÂN BỔ CẤP TỈNH**		**56.730**
I	**HỢP PHẦN THỨ NHẤT**		**56.501**
1	**Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu**		**5.745**
1.1	Nội dung 6: Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử	Sở Công Thương	120
1.2	Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù vùng, miền, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	5.275
1.3	Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường.	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	350
2	**Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường**		**4.650**
2.1	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	2.100
2.2	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	2.050
2.3	Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	500
3	**Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững**		**5.000**
	Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp	5.000
4	**Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn**		**40.156**
4.1	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình.	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	40.000
4.2	Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm	Chi cục An toàn thực phẩm	156
5	**Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**		**950**
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	950
II	**HỢP PHẦN THỨ HAI**		229
1	**Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**		
	Nội dung 03: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết	Chi cục Dân số	92
2	**Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dan vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**		
	Nội dung 05: Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Công Thương	137
B	**PHÂN BỔ CẤP XÃ**		**46.726**
1	**Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững**		**4.300**
	Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc		
		UBND xã Lệ Thuỷ	1.200

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2025 kéo dài
		UBND xã Trường Ninh	500
		UBND xã Bắc Trạch	1.200
		UBND xã Cửa Tùng	900
		UBND xã Triệu Phong	500
2	**Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu**		**26.070**
2.1	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;		8.500
		UBND xã Lệ Thuỷ	5.000
		UBND xã Trường Ninh	500
		UBND xã Hiếu Giang	3.000
2.2	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu;		4.900
		UBND xã Lệ Thuỷ	3.000
		UBND xã Hiếu Giang	1.900
2.3	Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;		2.100
		UBND xã Lệ Thuỷ	2.000
		UBND xã Hiếu Giang	100
2.4	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn).		4.200
		UBND xã Hải Lăng	1.000
		UBND xã Lệ Thuỷ	1.000
		UBND xã Hiếu Giang	800
		UBND xã Cam Lộ	1.400
2.5	Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp		6.370
		UBND xã Cửa Tùng	2.100
		UBND xã Triệu Phong	1.000
		UBND xã Hiếu Giang	3.270
3	**Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường**		**1.815**
3.1	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn		795
		UBND xã Trường Ninh	500
		UBND xã Nam Gianh	295
3.2	Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm	UBND xã Nam Gianh	650
3.3	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh	UBND xã Vĩnh Linh	200
3.4	Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn	UBND xã Triệu Phong	170
4	**Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững**		**474**
4.1	Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.	UBND xã Vĩnh Linh	400
4.2	Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; hỗ trợ hoạt động giao dịch việc làm; hỗ trợ thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động		74
		UBND xã Hoà Trạch	28

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2025 kéo dài
		UBND xã Trung Thuần	46
5	**Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn**		**1.800**
	Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình "thôn thông minh"		
		UBND xã Hải Lăng	300
		UBND xã Trường Ninh	500
		UBND xã Hiếu Giang	450
		UBND xã Triệu Phong	50
		UBND xã Vĩnh Linh	500
6	**Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn**		**8.137**
6.1	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình.	UBND xã Hiếu Giang	480
6.2	Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình "nông nghiệp xanh"		7.657
		UBND xã Hải Lăng	677
		UBND xã Nam Gianh	480
		UBND xã Cam Lộ	5.000
		UBND xã Vĩnh Linh	1.500
7	**Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**		**130**
	Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an"	UBND xã Triệu Phong	130
8	**Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội**		**4.000**
	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm "bốn tại chỗ", không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.		
		UBND xã Khe Sanh	3.000
		UBND xã Trường Ninh	1.000